

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 42/2024/QĐ-UBND

Đắk Lắk, ngày 23 tháng 10 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 31/2020/QĐ-UBND  
ngày 20/10/2020 của UBND tỉnh ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên  
đối với nhóm, loại tài nguyên có tính chất lý, hóa giống nhau trên  
địa bàn tỉnh Đắk Lắk**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và  
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Thuế tài nguyên số 45/2009/QH12 ngày 25 tháng 11 năm  
2009;*

*Căn cứ Nghị định số 50/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010 của Chính  
phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế tài nguyên;*

*Căn cứ Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ quy  
định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về Thuế và  
sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế;*

*Căn cứ Thông tư số 152/2015/TT-BTC ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Bộ  
trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế tài nguyên;*

*Căn cứ Thông tư số 44/2017/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2017 của Bộ  
trưởng Bộ Tài chính quy định về khung giá tính thuế tài nguyên đối với nhóm, loại  
tài nguyên có tính chất lý, hóa giống nhau;*

*Căn cứ Thông tư số 05/2020/TT-BTC ngày 20 tháng 01 năm 2020 của Bộ  
trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 44/2017/TT-  
BTC;*

*Căn cứ Thông tư số 41/2024/TT-BTC ngày 20 tháng 5 năm 2024 của Bộ  
trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 44/2017/TT-  
BTC ngày 12 tháng 5 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về khung giá  
tính thuế tài nguyên đối với nhóm, loại tài nguyên có tính chất lý, hóa giống nhau*

và Thông tư số 152/2015/TT-BTC ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế tài nguyên;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 211/TTr-STC ngày 29 tháng 7 năm 2024; Công văn số 3585/STC-QLG&CS ngày 08 tháng 10 năm 2024.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 31/2020/QĐ-UBND ngày 20/10/2020 của UBND tỉnh ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên đối với nhóm, loại tài nguyên có tính chất lý, hóa giống nhau trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk**

**1. Sửa đổi khoản 3 Điều 2 Quyết định số 31/2020/QĐ-UBND**

“3. Trường hợp giá tài nguyên phổ biến trên thị trường biến động thấp hơn nhưng không quá 20% so với mức giá tối thiểu hoặc cao hơn nhưng không quá 20% so với mức giá tối đa của Khung giá tính thuế tài nguyên do Bộ Tài chính ban hành, giao Sở Tài chính chủ trì phối hợp với Cục Thuế tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng tổ chức khảo sát tình hình về giá bán tài nguyên trên thị trường, lập phương án điều chỉnh giá tính thuế và trình UBND tỉnh ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên hoặc văn bản quy định điều chỉnh Bảng giá tính thuế tài nguyên.

Trường hợp giá tài nguyên phổ biến trên thị trường biến động tăng trên 20% so với mức giá tối đa của Khung giá tính thuế tài nguyên do Bộ Tài chính ban hành, Sở Tài chính chủ trì phối hợp với Cục Thuế tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng tổ chức khảo sát tình hình về giá bán tài nguyên trên thị trường, lập phương án điều chỉnh giá tính thuế và trình UBND tỉnh ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên hoặc văn bản quy định điều chỉnh Bảng giá tính thuế tài nguyên. Sau khi ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên hoặc văn bản quy định điều chỉnh Bảng giá tính thuế tài nguyên, Sở Tài chính có trách nhiệm tham mưu UBND gửi văn bản về Bộ Tài chính để cung cấp thông tin kèm theo đề xuất, hồ sơ và phương án thuyết minh cụ thể làm cơ sở xem xét việc điều chỉnh Khung giá tính thuế tài nguyên.”

2. Sửa đổi giá tính thuế tài nguyên của một số khoáng sản không kim loại tại Phụ lục II, ban hành kèm theo Quyết định số 31/2020/QĐ-UBND

Mã nhóm, loại tài nguyên					Tên nhóm, loại tài nguyên /Sản phẩm tài nguyên	Đơn vị tính	Giá tính thuế tài nguyên (đồng)
Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5			
<b>II</b>					<b>Khoáng sản không kim loại</b>		
	<b>III1</b>				<b>Đất khai thác để san lấp, xây dựng công trình</b>	m <sup>3</sup>	70.000
	<b>II2</b>				<b>Đá, sỏi</b>		
		<b>II202</b>			<b>Đá</b>		
			II20203		Đá làm vật liệu xây dựng thông thường		
				II2020301	Đá hỗn hợp sau nổ mìn, đá xô bồ (khoáng sản khai thác)	m <sup>3</sup>	156.000
				II2020302	Đá hộc	m <sup>3</sup>	240.000
				II2020303	Đá cấp phối	m <sup>3</sup>	250.000
				II2020304	Đá dăm các loại	m <sup>3</sup>	260.000
				II2020306	Đá chẻ	m <sup>3</sup>	400.000
				II2020307	Đá bụi, mặt đá	m <sup>3</sup>	183.000
	<b>II5</b>				<b>Cát</b>		
		<b>II501</b>			<b>Cát san lấp (bao gồm cả cát nhiễm mặn)</b>	m <sup>3</sup>	70.000
		<b>II502</b>			<b>Cát xây dựng</b>		
			II50202		Cát vàng dùng trong xây dựng	m <sup>3</sup>	262.000

3. Bổ sung giá tính thuế tài nguyên của sản phẩm từ rừng tự nhiên tại Phụ lục III, ban hành kèm theo Quyết định số 31/2020/QĐ-UBND

Mã nhóm, loại tài nguyên					Tên nhóm, loại tài nguyên/Sản phẩm tài nguyên	Đơn vị tính	Giá tính thuế tài nguyên (đồng)
Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5			
III					Sản phẩm của rừng tự nhiên		
	III11				Các sản phẩm khác của rừng tự nhiên		
		III1117			Dây Máu chó (dây Huyết đằng)		
			III111701		Tươi	kg	2.000
			III111702		Khô	kg	10.000

**Điều 2.** Bãi bỏ mã, nhóm tài nguyên cấp 5: II2020305; tên gọi, loại tài nguyên/sản phẩm tài nguyên: Đá lô ca; đơn vị tính: m<sup>3</sup>; giá tính thuế tài nguyên: 160.000 đồng.

### **Điều 3. Tổ chức thực hiện**

#### 1. Giao Sở Tài chính

Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quyết định này.

#### 2. Giao các cơ quan, tổ chức, đơn vị và Ủy ban nhân dân cấp huyện

Tổ chức thực hiện Quyết định này đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, kịp thời báo cáo về Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Tài chính) để tổng hợp và tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết theo thẩm quyền.

**Điều 4. Điều khoản thi hành**

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 04 tháng 11 năm 2024.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng; Cục trưởng Cục thuế; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Phạm Ngọc Nghị**